

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 249/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 09 – 6 – 2022
V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia
đình, ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Hăng.
2. Ông Nguyễn Quốc Thanh.

Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Châu San - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 161/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2022 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 253/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 307/2022/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị Mỹ L, sinh năm 2001; địa chỉ: Số 89/A, tổ 10, ấp 03, xã VX, thị xã TC, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Nguyễn Tấn T, sinh năm 1995; địa chỉ: Tổ 06, ấp VP, xã VL, huyện AP, tỉnh An Giang.

Bà Võ Thị L vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Tấn T vắng mặt không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của bà Võ Thị Mỹ L; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Mỹ L và ông Nguyễn Tấn T tự tìm hiểu, quen biết rồi tiến đến hôn nhân vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VL, huyện AP (theo bản sao Trích lục kết hôn số 437/TLKH-BS ngày 10/7/2020 của UBND xã VL, huyện AP).

Sau khi kết hôn, bà L và ông T sống với gia đình ông T. Sau khi có con chung, bà L và ông T lên Bình Dương làm công nhân cho đến nay, con chung thì gửi cho gia đình bà L nuôi dưỡng. Quá trình chung sống, bà L và ông T chung sống với nhau không hạnh phúc. Bản thân ông T sống vô tâm, ít chia sẻ với bà L trong cuộc sống gia đình, thường ăn nhậu. Đến tháng 02/2022 thì bà L phát hiện ông T có quan hệ tình cảm bên ngoài, khi bà L hỏi thì ông T lấy quần áo bỏ đi. Cả hai sống ly thân từ đó cho đến nay, không hàn gắn tình cảm. Kể từ sau ly thân thì ông T cũng không đến thăm con, gia đình ông T cũng không nói gì đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng cho cả hai. Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà L yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà L và ông T có với nhau 01 con chung tên: Nguyễn Bảo T1, sinh ngày 20/6/2019. Con chung hiện đang sống cùng bà L. Bà L yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về T sản chung, nợ chung: Bà L khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành triệu tập ông Nguyễn Tấn T để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 21/4/2022 và ngày 09/5/2022 nhưng ông T vắng mặt không rõ lý do.

Ngày 21/4/2022, bà L có đơn yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ cần thiết cho việc giải quyết vụ án, yêu cầu không tiến hành hòa giải và xin được vắng mặt khi vụ án được đưa ra xét xử do bận công việc làm ăn xa không về được.

Về tài liệu, chứng cứ:

Tài liệu, chứng cứ do bà L giao nộp: Bản sao Trích lục kết hôn số 437/TLKH-BS ngày 10/7/2020; bản sao Trích lục khai sinh số 439/TLKS-BS ngày 10/7/2020 của UBND xã VL, huyện AP; bản sao Sổ hộ khẩu gia đình mang tên Võ Văn Tánh; bản sao Giấy chứng minh nhân dân mang tên Võ Thị Mỹ L

Tài liệu, chứng cứ do ông T giao nộp: Không.

Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: Biên bản xác minh ngày 29/4/2022 tại Công an xã VL, huyện AP; biên bản lấy lời khai người làm chứng bà Huỳnh

Thị Mỹ A ngày 21/4/2022; biên bản lấy lời khai người làm chứng ông Phạm Văn H ngày 29/4/2022.

Tại phiên tòa, do bà L và ông T cùng vắng mặt nên Hội đồng xét xử công bố lời trình bày của bà L, biên bản xác minh, biên bản lấy lời khai người làm chứng và các T liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

- Theo biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 21/4/2022, bà Huỳnh Thị Mỹ A cho biết: Bà A là mẹ ruột của bà Võ Thị Mỹ L, bà A biết rõ mâu thuẫn giữa vợ chồng ông T, bà L nên bà A yêu cầu Tòa án ghi nhận lời trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Mỹ L và ông Nguyễn Tấn T trước đây tự tìm hiểu, sau đó được gia đình cho tiến đến hôn nhân vào năm 2018, có tổ chức lễ cưới, cả hai có đăng ký kết hôn tại UBND xã VL, huyện AP.

Quá trình chung sống, sau khi có con chung tên Nguyễn Bảo T1, sinh ngày 20/6/2019 thì bà L và ông T lên Bình Dương làm công nhân, con chung thì được bà A nuôi dạy. Đến khi cháu T1 được 17 tháng tuổi thì cháu T1 lên Bình Dương sống cùng ông T và bà L. Khoảng cuối năm 2021 thì ông T và bà L phát sinh mâu thuẫn, bà L cũng thường hay điện thoại tâm sự với bà A, bản thân bà A cũng khuyên nhủ bà L cố gắng sống vì con chung. Bà A cũng hay điện thoại cho ông T để khuyên nhủ. Sau khi bà L và ông T sống ly thân thì bà A có liên hệ với gia đình ông T, gia đình ông T cũng không thể hiện thiện chí hàn gắn tình cảm cho cả hai. Bà A yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà L được ly hôn với ông T. Về con chung: Quá trình chung sống, ông T và bà L có với nhau 01 con chung tên: Nguyễn Bảo T1, sinh ngày 20/6/2019. Con chung hiện đang sống với bà A và bà L. Về T sản chung, nợ chung: Không rõ.

Do bận công việc làm ăn nên bà A yêu cầu được vắng mặt khi Tòa án triệu tập tham gia xét xử.

- Theo biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 29/4/2022, ông Phạm Văn H cho biết: Ông H là cậu ruột của ông Nguyễn Tấn T, sinh năm 1995. Bà Võ Thị Mỹ L và ông Nguyễn Tấn T trước đây tự tìm hiểu, quen biết và tiến đến hôn nhân vào năm 2018, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, khi cả hai lên Bình Dương làm công nhân thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cả hai đã sống ly thân nhau. Ông T và bà L sống với nhau có 01 con chung tên: Nguyễn Bảo T1, sinh năm 2019. Do nhà xa nên ông H yêu cầu được vắng mặt khi vụ án được đưa ra xét xử.

Theo biên bản xác minh ngày 29/4/2022, đại diện Công an xã VL, huyện AP cho biết: Ông Nguyễn Tấn T, sinh năm 1995 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Tổ 06, ấp VP, xã VL, huyện AP, tỉnh An Giang. Ông T thường đi làm ăn xa nhưng vẫn thường xuyên trở về địa phương trong các dịp lễ Tết. Gia đình ông T thường xuyên sinh sống tại địa phương, có cha tên Nguyễn Hiền L và mẹ tên Phạm Thị T2.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện AP:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Ông Nguyễn Tấn T vắng mặt lần thứ hai không lý do; bà Võ Thị Mỹ L có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải và yêu cầu xét xử vắng mặt; người làm chứng bà Huỳnh Thị Mỹ A, ông Phạm Văn H có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại Điều 207, Điều 228, Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Theo trình bày của bà Võ Thị Mỹ L và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định hôn nhân giữa bà L và ông T đã đến mức trầm trọng, bà L và ông T đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2022 cho đến nay, không hàn gắn tình cảm. Điều đó thể hiện mâu thuẫn gia đình đã đến mức trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Do đó, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L. Về con chung: Con chung tên Nguyễn Bảo T1, sinh ngày 20/6/2019 hiện nay dưới 36 tháng tuổi nên đề nghị cho bà L được trực tiếp nuôi dạy con chung. Về T sản chung, nợ chung: Bà L khai không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Các bên đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho tòa án; không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bị đơn ông Nguyễn Tấn T đều vắng mặt không lý do; đồng thời, ông T đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Như vậy, ông T đã tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình. Nguyên đơn bà Võ Thị Mỹ L có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải và yêu cầu xét xử vắng mặt, người làm chứng bà Huỳnh Thị Mỹ A, ông Phạm Văn H có yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, vụ án được xem là không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 228, Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết:

Hôn nhân giữa bà L và ông T hình thành do tự tìm hiểu và tiến đến hôn nhân vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VL, huyện AP (theo bản sao Trích lục kết hôn số 437/TLKH-BS ngày 10/7/2020 của UBND xã VL, huyện AP). Ông T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Tổ 06, ấp VP, xã VL, huyện AP, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện AP, tỉnh An Giang theo quy định tại các điều 28, 35, 39

của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và quy định tại Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Quá trình chung sống, giữa bà L và ông T phát sinh mâu thuẫn dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, cả hai tính tình không hòa hợp, không có sự quan tâm chia sẻ lẫn nhau. Cả hai đã sống ly thân từ đầu năm 2022 cho đến nay, không hàn gắn tình cảm. Người làm chứng bà Huỳnh Thị Mỹ A và ông Phạm Văn H cũng xác nhận những mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân như lời trình bày của bà L.

Nam nữ khi tiến đến hôn nhân đều hướng đến mục đích là xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững nhưng giữa bà L và ông T lại tồn tại những mâu thuẫn không thể hàn gắn dẫn đến đời sống hôn nhân không hạnh phúc. Việc cả hai đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2022 cho đến nay, không hàn gắn tình cảm vợ chồng, gia đình cũng không có sự động viên, hòa giải cho ông T và bà L hàn gắn tình cảm đã cho thấy sự vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Từ những phân tích nêu trên, có thể nhận thấy mâu thuẫn hôn nhân giữa bà L và ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Quá trình chung sống, bà L và ông T có với nhau 01 (một) con chung tên: Nguyễn Bảo T1, sinh ngày 20/6/2019. Con chung hiện đang sống cùng bà L. Bà L yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Con chung hiện nay dưới 36 tháng tuổi và đã chung sống cùng bà L, gia đình bà L từ khi sinh ra cho đến nay. Sau khi xem xét điều kiện nuôi con của bà L, để đảm bảo quyền L về mọi mặt cho con chung, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quyết định để bà L được trực tiếp nuôi dạy con chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã giải thích cho bà L về quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung đối với người không trực tiếp nuôi con chung, cũng như nghĩa vụ cấp dưỡng của người không trực tiếp nuôi con chung, nhưng bà L vẫn giữ nguyên ý kiến của mình. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định công nhận sự tự nguyện của bà L trong việc không yêu cầu ông T cấp dưỡng để nuôi dạy con chung.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Ông Nguyễn Tấn T cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) phải tôn

trọng quyền được nuôi con của bà Võ Thị Mỹ L. Ngược lại, bà L cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[3.3] Về T sản chung, nợ chung: Bà Võ Thị Mỹ L khai không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này ông T có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác:

Bà Võ Thị Mỹ L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; ông Nguyễn Tấn T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

[5] Về quyền kháng cáo: Bà Võ Thị Mỹ L và ông Nguyễn Tấn T có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 56, các điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các điều 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Mỹ L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Mỹ L được ly hôn với ông Nguyễn Tấn T.

2. Về con chung: Bà Võ Thị Mỹ L được trực tiếp nuôi dạy con chung tên: Nguyễn Bảo T1, sinh ngày 20/6/2019. Ông Nguyễn Tấn T không phải cấp dưỡng để nuôi dạy con chung.

Ông Nguyễn Tấn T cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) phải tôn trọng quyền được nuôi con của bà Võ Thị Mỹ L. Ngược lại, bà Võ Thị Mỹ L cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở ông Nguyễn Tấn T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác:

Bà Võ Thị Mỹ L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí mà bà L đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006916 ngày 29/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện AP, tỉnh An Giang.

Ông Nguyễn Tấn T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

4. Về quyền kháng cáo: Án tuyên công khai vắng mặt bà Võ Thị Mỹ L và ông Nguyễn Tấn T. Bà L và ông T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

5. Giấy chứng nhận kết hôn số 70 ngày 10/7/2020 (theo bản sao Trích lục kết hôn số 437/TLKH-BS ngày 10/7/2020) của UBND xã VL, huyện AP cấp cho bà Võ Thị Mỹ L và ông Nguyễn Tấn T không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

6. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện AP;
- THADS huyện AP;
- UBND xã VL;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Tuân